

Sách Đa-ni-ên - Số Năm Mười Lăm

Hé lộ bức tranh tiên tri: Mặc khải của Gabriel cho Daniel

Jeff Pippenger

2024-01-19

Ga-bri-ên đến gặp Đa-ni-ên sau khi ông đã hiểu về bảy mươi năm lưu đày theo lời tiên tri của Giê-rê-mi, và lời thề cùng lời nguyện của Môi-se.

Năm thứ nhất triều đại của người ấy, tôi, Đa-ni-ên, qua sách vở, hiểu được số các năm về điều mà lời của Chúa đã phán với nhà tiên tri Giê-rê-mi, rằng các cảnh hoang tàn của Giê-ru-sa-lem sẽ đủ bảy mươi năm. ... Phải, cả Y-sơ-ra-ên đều đã vi phạm luật pháp của Ngài, quay lưng lại để không vâng theo tiếng Ngài; nên lời nguyện đã đổ trên chúng con, cùng lời thề đã chép trong luật pháp của Môi-se, tôi tớ của Đức Chúa Trời, vì chúng con đã phạm tội cùng Ngài. Và Ngài đã làm cho lời Ngài được ứng nghiệm, là điều Ngài đã phán nghịch cùng chúng con và nghịch cùng các quan xét xét xử chúng con, bằng cách giáng trên chúng con một tai hoạ lớn; vì dưới khắp bầu trời chưa từng có việc nào làm như điều đã xảy đến cho Giê-ru-sa-lem. Như đã chép trong luật pháp của Môi-se, tất cả những tai hoạ ấy đã giáng trên chúng con; vậy mà chúng con vẫn không cầu nguyện trước mặt Chúa là Đức Chúa Trời của chúng con, để quay khỏi những tội lỗi của mình và hiểu biết lẽ thật của Ngài. Vì thế Chúa đã canh chừng tai hoạ ấy và đem nó đến trên chúng con; vì Chúa, Đức Chúa Trời của chúng con, là công chính trong mọi việc Ngài làm; bởi chúng con đã không vâng theo tiếng Ngài. Đa-ni-ên 9:2, 11-14.

Từ mà Đa-ni-ên dùng và được dịch là "lời thề" cũng chính là từ mà Môi-se dùng và được dịch là "bảy lần" trong Lê-vi Ký đoạn hai mươi sáu. Bà White cho biết rằng trong đoạn chín, Đa-ni-ên đang tìm cách hiểu mối liên hệ giữa khoảng thời gian bảy mươi năm của Giê-rê-mi và khoảng thời gian hai nghìn ba trăm năm. Trong đoạn tám, Ga-bri-ên đã được lệnh phải khiến Đa-ni-ên hiểu khái tượng về hai nghìn ba trăm ngày, và khi trở lại trong đoạn chín, Ga-bri-ên đang hoàn tất công việc của mình và cho Đa-ni-ên biết phải tách biệt trong tâm trí hai khái tượng vốn là chủ đề của các đoạn bảy, tám và cả chín. Hai khái tượng đó là chủ đề của "sự gia tăng tri thức" đã được mở ấn vào năm 1798.

Bảy mươi năm của Jeremiah và "lời nguyện" của Moses đều là những biểu tượng của "bảy lần", như được biểu thị bởi "lời thề" của Moses, nhưng Gabriel sẽ trình bày cách phân chia thời kỳ hai nghìn ba trăm năm. Chỉ có thể được phân chia đúng đắn khi mối liên hệ giữa khái tượng ("chazon") về sự chà đạp và khái tượng ("mareh") về sự hiện ra được phân biệt đúng đắn. Gabriel bắt đầu bằng cách xác định rằng một thời kỳ ân hạn bốn trăm chín mươi năm đã được ban cho người Do Thái. Thời kỳ ấy cũng chính là bốn trăm chín mươi năm nổi loạn đã dẫn đến bảy mươi năm lưu đày.

Từ "determined" ở câu hai mươi bốn đề cập đến giai đoạn từ khi sắc lệnh thứ ba được ban hành vào năm 457 TCN cho đến khi Stephen bị ném đá vào năm 34 SCN, nhưng từ "determined" ở các câu hai mươi sáu và hai mươi bảy thì chỉ ra các quyền lực gây hoang tàn của ngoại giáo và chủ nghĩa giáo hoàng.

Và sau sáu mươi hai tuần lễ, Đấng Mê-si sẽ bị giết, nhưng không phải vì chính Ngài; dân của vị hoàng tử sẽ đến sẽ hủy diệt thành và đền thánh; sự cuối cùng của nó sẽ đến như một cơn lụt, và cho đến tận cùng của chiến tranh, những sự hoang tàn đã được định. Người ấy sẽ xác lập giao ước với nhiều người trong một tuần lễ; và giữa tuần lễ, người ấy sẽ làm cho lễ tế và của lễ chấm dứt; và vì sự tràn lan của những điều ghê tởm, người ấy sẽ làm cho nơi ấy trở nên hoang tàn, cho đến khi hoàn tất, và điều đã định sẽ được đổ trên nơi hoang tàn. Đa-ni-ên 9:26, 27.

Gáp-ri-ên cho Đa-ni-ên biết rằng “sau khi” “Đấng Mê-si” bị “trừ bỏ” thì “dân của vị thủ lĩnh sẽ đến sẽ phá hủy thành và nơi thánh.” La Mã ngoại giáo đã phá hủy “thành và nơi thánh” trong cuộc vây hãm kéo dài đúng ba năm rưỡi, từ năm 66 đến 70 SCN. Gáp-ri-ên xác định rằng “kết cuộc của chiến tranh” sẽ đến “như một trận lụt”, và rằng cuộc chiến ấy sẽ gồm những “sự hoang tàn.” Cuộc chiến chống lại Giê-ru-sa-lem và đền thánh là sự giày xéo do ngoại giáo và chế độ giáo hoàng gây ra. Quyền lực ngoại giáo phá hủy Giê-ru-sa-lem ban đầu là Ba-by-lôn, nhưng quyền lực ngoại giáo phá hủy nó sau khi Đấng Mê-si bị đóng đinh là La Mã ngoại giáo. Nhưng cuộc chiến chống lại đền thánh và đạo binh đã do hai quyền lực gây hoang tàn thực hiện, và quyền lực hoang tàn thứ hai trong Kinh Thánh là chế độ giáo hoàng.

Chế độ giáo hoàng là quyền lực được mô tả như “tai vạ tràn lũ”; đó là quyền lực trong câu bốn mươi của Đa-ni-ên đoạn mười một, quyền lực “tràn qua và vượt qua”. Việc giày đạp Giê-ru-sa-lem, khởi đầu với Ba-by-lôn và tiếp diễn với quốc gia bằng sắt nói những câu tối nghĩa, như Môi-se đã trình bày trong Phục truyền Luật lệ Ký, đã được tiếp nối bởi chế độ giáo hoàng. Cho đến khi chấm dứt sự giày đạp, các “sự hoang tàn” đã được “án định”. Trong câu hai mươi bảy, Đấng Christ xác nhận giao ước với nhiều người trong một tuần lễ. Giữa tuần lễ ấy, hệ thống tế lễ trên đất sẽ chấm dứt khi Đấng Christ bắt đầu chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm của Ngài trong đền thánh trên trời. Vì sự không vâng lời của người Do Thái trong thời kỳ ân hạn đã được cắt riêng cho họ, đền thánh và thành sẽ lại bị làm cho hoang tàn.

Câu ấy nói: "vì sự lan tràn của những điều gớm ghiếc, nó sẽ làm cho nơi ấy hoang vu, cho đến kỳ chung cuộc; và điều đã định sẽ đổ trên kẻ bị hoang vu." Khi người Do Thái cuối cùng đã làm đầy đến miệng chén của thời kỳ ân hạn, thành và đền thánh sẽ trở nên hoang vu cho đến cuối cuộc chiến. Vào "kỳ chung cuộc" của sự chà đạp vào năm 1798, đã "được định" rằng giáo hoàng quyền sẽ nhận một vết thương chí tử. Bấy giờ thành và đền thánh sẽ được phục hồi và tái xây dựng, như đã được tiêu biểu khi người Do Thái ra khỏi Ba-by-lôn theo nghĩa đen dưới ba sắc lệnh.

Cho đến khi cuộc chiến ấy được hoàn tất, Giê-ru-sa-lem sẽ bị quyền lực giáo hoàng giày xéo. Các thời kỳ tiên tri tạo nên những giai đoạn riêng biệt trong khoảng hai nghìn ba trăm năm chỉ có thể được hiểu đúng khi mối liên hệ của khái tượng về sự giày xéo suốt bảy mươi năm được hiểu trong tương quan với khái tượng về sự khôi phục đền thánh và đạo binh. Khước từ khái tượng về sự tàn lạc do lời nguyện của Môi-se là khước từ khái tượng về sự quy tụ. Khái tượng về bảy mươi năm là khái tượng về sự tàn lạc. Khái tượng về hai nghìn ba trăm năm là khái tượng về sự quy tụ. Khái tượng về bảy mươi năm là khái tượng "chazon" về sự tàn lạc, và khái tượng về hai nghìn ba trăm năm là khái tượng "mareh" về sự quy tụ.

Vậy, điều gì Đức Chúa Trời đã kết hợp, loài người chớ phân rẽ. Mác 10:9.

Hai khái tượng đã được liên kết với nhau theo ý nghĩa tiên tri, và bác bỏ một tức là bác bỏ cả hai. Sự thật này cho thấy rằng, mặc dù phái Cơ Đốc Phục Lâm tuyên bố rằng họ giữ vững lời tiên tri hai nghìn ba trăm năm, họ đã bác bỏ trụ cột trung tâm của phái Cơ Đốc Phục Lâm, chắc chắn chẳng khác nào họ đã bác bỏ "bảy thời kỳ" vào năm 1863. Há chẳng phải người Do Thái xưng rằng họ giữ luật pháp của Đức Chúa Trời sao? Há chẳng phải Y-sơ-ra-ên xưa cũng xưng rằng họ trông đợi Đấng Mê-si sao? Sự xưng nhận là vô nghĩa nếu không giữ vững Lời của Đức Chúa Trời.

Những người theo Miller cuối cùng đã xác định ngày 22 tháng 10 năm 1844 là sự kết thúc của thời kỳ hai nghìn ba trăm ngày, nhưng sự hiểu biết của họ còn hạn chế. Mãi đến sau Sự Thất Vọng Lớn, ánh sáng mới đến liên quan đến đền thánh trên trời và việc Đấng Christ xuất hiện trong Nơi Chí Thánh vào ngày ấy. Mãi đến sau ngày đó, họ mới nhận ra sứ điệp của thiên sứ thứ ba và luật pháp của Đức Chúa Trời.

Chúa đã định gia tăng ánh sáng tiên tri liên quan đến hai nghìn ba trăm năm, và vào năm 1856, Ngài đã mở cánh cửa cho thêm ánh sáng nữa, nhưng trong bảy năm tiếp theo, phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đã đóng cánh cửa ấy. Mãi đến sau ngày 11 tháng 9 năm 2001, Chúa mới dẫn dắt những người nghiên cứu lời tiên tri trở lại với các bài viết của Hiram Edson, và ánh sáng về "bảy lần" lại một lần nữa bắt đầu gia tăng.

Vì không chịu nhìn thấy mối liên hệ giữa lời tiên tri 2.300 năm và lời tiên tri 2.520 năm, phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đã hiểu ngày 22 tháng 10 năm 1844 theo cách thiên lụy và chưa trọn vẹn.

Một khi S. S. Snow đã ấn định ngày cho sự đóng đinh, thì ngày 22 tháng 10 năm 1844 đã được xác định.

Vậy hãy biết và hiểu rằng, từ khi lệnh truyền ra để phục hồi và xây lại Giê-ru-sa-lem cho đến Đấng Mê-si, là Thủ Lãnh, sẽ có bảy tuần lễ và sáu mươi hai tuần lễ; đường phố sẽ được xây lại, cùng với tường thành, dấu trong thời buổi khó khăn. Và sau sáu mươi hai tuần lễ, Đấng Mê-si sẽ bị trừ bỏ, nhưng không phải vì chính Ngài; và dân của một thủ lãnh sẽ đến sẽ hủy diệt thành và nơi thánh; và cuối cùng của nó sẽ như bờ lụt, và cho đến tận cùng của chiến tranh thì những sự hoang tàn đã được định. Người ấy sẽ lập vững giao ước với nhiều người trong một tuần lễ; đến giữa tuần lễ, người ấy sẽ làm cho tể lễ và của lễ chấm dứt; và vì sự lan tràn của những điều ghê tởm, người ấy sẽ làm nên sự hoang tàn, cho đến khi sự tận cùng đến, và điều đã định sẽ được đổ ra trên kẻ hoang tàn. Đa-ni-ên 9:25-27.

Những người Millerite đã xác định đúng ngày Đấng Christ chịu đóng đinh, và rồi thời điểm kết thúc của thời kỳ hai nghìn ba trăm năm đã được xác định. Việc "Đấng Mê-si bị trừ đi" "giữa tuần lễ", trong đó Đấng Christ xác nhận "giao ước", vì dân Do Thái đã làm đầy tràn chén thời kỳ thử thách của họ, điều này được biểu trưng bằng "sự tràn lan của những sự gớm ghiếc", cũng đã được nhận diện. Thập tự giá trở thành mốc chỉ đường trong lịch sử, mang tính thiết yếu trong việc nhận ra sứ điệp của Tiếng Kêu Nửa Đêm.

Mặc dù có ánh sáng nằm trong các câu Kinh Thánh ấy, vốn đã tạo nên một sự biểu lộ quyền năng của Đức Chúa Trời mạnh mẽ như vậy, những người Millerite vẫn không đạt tới sự hiểu biết về những câu ấy, sự hiểu biết được thể hiện qua ước muốn của Đa-ni-ên nhằm hiểu mối liên hệ giữa hai khái tượng. Tuần lễ mà Đấng Christ xác nhận giao ước đã được chia thành hai giai đoạn, mà Bà

White sau này xác định là tượng trưng cho chức vụ cá nhân của Đấng Christ trong ba năm rưỡi, tiếp theo là chức vụ của Ngài được thể hiện qua các môn đồ. Họ thấy rằng cột mốc lịch sử là thập tự giá đã trở thành chiếc neo để xác định ngày 22 tháng 10 năm 1844, nhưng họ không thấy rằng nó cũng tượng trưng cho tâm điểm của hai thời kỳ ba năm rưỡi giống hệt nhau, và do đó tượng trưng cho "bảy lần", mà Đức Chúa Trời, qua Môi-se, gọi là "cuộc tranh chấp của giao ước Ngài".

Vậy Ta cũng sẽ nghịch lại các ngươi và sẽ phạt các ngươi thêm bảy lần vì tội lỗi của các ngươi. Ta sẽ đem gương đến trên các ngươi để báo thù việc phá vỡ giao ước của Ta; và khi các ngươi nhóm lại trong các thành của mình, Ta sẽ sai dịch bệnh ở giữa các ngươi; và các ngươi sẽ bị phó vào tay kẻ thù. Lê-vi Ký 26:24, 25.

Khi Đấng Christ làm vững bền giao ước với nhiều người, thì đó chính là giao ước mà Ngài đã có sự tranh cãi với những người Do Thái không vâng phục. “Cuộc tranh cãi về giao ước của Ngài” bắt đầu vào năm 723 TCN, khi người Assyria bắt vương quốc miền Bắc đi lưu đày; rồi suốt một nghìn hai trăm sáu mươi ngày tiên tri, ngoại giáo đã giày đạp Israel theo huyết thống. Sự giày đạp ấy sau đó được tiếp nối bởi thêm một nghìn hai trăm sáu mươi ngày tiên tri nữa, khi chế độ giáo hoàng giày đạp Israel thuộc linh.

Tuần lễ tiên tri, trong đó Đấng Christ xác nhận giao ước, ứng nghiệm khái tượng về hai nghìn ba trăm năm, cũng đồng thời đại diện cho khái tượng về hai nghìn năm trăm hai mươi năm. Những người theo Miller đã nhận biết đủ về lời tiên tri hai nghìn ba trăm năm để rao truyền đúng đắn sứ điệp Tiếng kêu lúc nửa đêm, nhưng họ đã chọn khước từ một phần ánh sáng mà lời giải nghĩa của thiên sứ Ga-bri-ên trong chương chín muốn truyền đạt.

Gabriel đã chỉ dạy Daniel phải phân biệt cho đúng (tách biệt trong tâm trí) hai khái tượng, được trình bày như “sự việc” và “khái tượng”, và để thực hiện lời khuyên đó, Bà White cho chúng ta biết rằng đây chính là gánh nặng của Daniel khi ông tìm cách hiểu mối liên hệ giữa bảy mươi tuần lễ (một biểu tượng của “bảy lần”) và hai nghìn ba trăm năm.

Sự bác bỏ “bảy lần” của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đã khiến họ rơi vào tình thế không thể hiểu rằng giai đoạn đầu tiên dài bốn trăm chín mươi năm, được cắt ra từ hai nghìn ba trăm năm, tượng trưng cho sự phản nghịch đối với giao ước mà Môi-se gọi là “sự tranh cãi về giao ước của Ngài”.

Họ cũng bị ngăn trở không nhận ra rằng sự đóng đinh vào giữa tuần lễ không chỉ đơn thuần xác định ngày tháng, vì nó chỉ ra chính trung tâm của mỗi tranh chấp của Đấng Christ với sự bất tuân của Israel, đó là huyết của giao ước. Họ đã mù lòa trước thực tế rằng huyết đã đổ vì nhiều người trên thập tự giá, vốn xác nhận giao ước của Ngài, cũng xác nhận giao ước được trình bày trong Lê-vi Ký đoạn hai mươi lăm và hai mươi sáu.

Dân Israel cổ đại đã tự mình nhận lấy một giao ước, trong đó họ định nghĩa giao ước như lời tuyên bố của họ rằng: “Mọi điều Chúa đã phán, chúng tôi sẽ làm”, mà hoàn toàn không nhận ra rằng giao ước mà Đấng Christ đang ban đòi hỏi luật pháp của Ngài phải được khắc vào lòng. Cách họ định nghĩa các điều khoản của giao ước theo kiểu Phariseu đã ngăn cản họ hiểu và chấp nhận giao ước chân thật.

Israel hiện đại đã định nghĩa máu của thập tự giá vào giữa tuần lễ theo những cách khiến Israel hiện đại mắc cùng sự mù lòa mà Israel cổ xưa từng mắc phải, khi họ khước từ Đấng Mê-sia và tuyên bố rằng họ không có vua nào ngoài Xê-da.

Israel hiện đại mù quáng trước thực tế rằng lịch sử mà Gabriel đã phác thảo cho Daniel không chỉ bao gồm việc xác nhận giao ước, mà còn cả sự tàn lạc giáng xuống những ai từ chối giao ước ấy, vì các câu ấy chỉ ra rằng La Mã ngoại giáo (vị thủ lãnh sẽ đến) sẽ phá hủy thành và đền thánh, và rằng cho đến cuối cuộc chiến (cuộc chiến đã chà đạp đền thánh và đạo binh) "những sự tàn phá", ở số nhiều, đã được định.

Trong lịch sử khi Đấng Christ đổ huyết để xác nhận giao ước với nhiều người, hai quyền lực tàn phá của La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng được xác định rõ ràng. Huyết đổ trên thập tự giá là điều Đấng Christ mang vào đền thánh trên trời, và là biểu tượng cho công việc của Ngài được trình bày trong Khải tượng "mareh" về hai nghìn ba trăm năm. Lịch sử ấy đan xen với lịch sử của Khải tượng "chazon" về hai nghìn năm trăm hai mươi năm, như được biểu trưng bởi hai quyền lực tàn phá sẽ chà đạp đền thánh và cơ binh.

Những lẽ thật được trình bày trong giấc mơ của Miller như các viên châu báu chiếu sáng rực rỡ như mặt trời, nhưng chúng chưa hoàn chỉnh. Trong những ngày cuối cùng, khi Tiếng Kêu Nửa Đêm được lặp lại đúng từng chữ, chính những châu báu đó sẽ được "Người cầm chổi rác" bỏ vào chiếc rương mới, lớn hơn, và rồi chúng sẽ chiếu sáng rực rỡ gấp mười lần so với ban đầu. Chúng trở thành phép thử cho sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm cuối cùng. Những châu báu ấy đã được hai nhân chứng mà Habakkuk đã tiên báo xác định một cách cụ thể, tức là các bảng. Khi hai bảng của các biểu đồ tiên phong năm 1843 và 1850 được đặt chồng lên nhau "dòng trên dòng", các châu báu của Miller được xác định một cách cụ thể, và qua đó những châu báu ấy đại diện cho sứ điệp của Tiếng Kêu Nửa Đêm cuối cùng.

Phần lớn những lẽ thật trên hai biểu đồ minh họa các lời tiên tri đã được ứng nghiệm trước năm 1844, như việc nhận diện các con thú trong Đa-ni-ên chương bảy và tám. Hình tượng trong Đa-ni-ên chương hai được trình bày. Cuộc tranh luận về việc Khải tượng ấy nói về La Mã hay Antiochus Epiphanes cũng có ở đó. Nỗi thất vọng thứ nhất và thời kỳ trì hoãn của Ha-ba-cúc và mười trình nữ cũng có ở đó. Sự xuất hiện của thiên sứ thứ ba, cũng như đền thánh trên trời, đều có ở đó. "Sự hằng ngày" như một biểu tượng của ngoại giáo cũng có ở đó. Và dĩ nhiên, ba tai ương của Hội giáo cũng có ở đó. Khi được đặt chung lại, các biểu đồ ấy minh họa "sự gia tăng tri thức" diễn ra khi Sứ Tử của chi phái Giu-đa mở ấn một lẽ thật tiên tri.

Khi chúng ta khép lại việc xem xét Khải tượng về sông U-lai như biểu tượng cho tri thức tiên tri đã được mở ấn vào thời kỳ cuối cùng năm 1798, tri thức ấy đã gia tăng để làm nên những viên ngọc trong chiếc rương mới, lớn hơn, của giấc mơ của William Miller, chúng ta sẽ xem lại các lẽ thật của phong trào Millerite vốn còn chưa trọn vẹn trong lịch sử của phong trào. Một số điều đã bị để lại trong tình trạng chưa hoàn chỉnh vì thời điểm lịch sử mà những người Millerite đang sống, và những điều khác bị bỏ dở do sự không vâng lời của những người từ chối theo kịp ánh sáng ngày càng sáng tỏ của thiên sứ thứ ba.

Chúng ta sẽ tiếp tục những nội dung này trong bài viết tiếp theo.

Những người mà Đức Chúa Trời sai đi với một sứ điệp chỉ là người, nhưng bản chất của sứ điệp họ mang đến là gì? Bạn có dám quay lưng hoặc xem nhẹ những lời cảnh cáo chỉ vì Đức Chúa Trời đã không tham khảo ý kiến bạn về điều gì sẽ được ưa thích? Đức Chúa Trời kêu gọi những người sẽ lên tiếng, sẽ kêu lớn và không kiêng dè. Đức Chúa Trời đã dấy lên các sứ giả của Ngài để làm công việc của Ngài trong thời điểm này. Một số người đã quay lưng với sứ điệp về sự công bình của Đấng Christ để chỉ trích những con người ấy và các khiếm khuyết của họ, bởi vì họ không trình bày sứ điệp chân lý với tất cả sự duyên dáng và trau chuốt như người ta mong muốn. Họ quá sốt sắng, quá tha thiết, nói năng quá quả quyết, và sứ điệp vốn có thể đem sự chữa lành, sự sống và niềm an ủi cho nhiều linh hồn mệt mỏi và bị áp bức lại bị loại trừ ở chừng mực nào đó; vì thế những người có ảnh hưởng càng khép kín lòng mình và lập ý riêng chống lại điều Đức Chúa Trời đã phán, thì họ càng tìm cách lấy đi tia sáng khỏi những người đã bấy lâu khao khát và cầu nguyện cho ánh sáng và cho quyền năng ban sự sống. Đấng Christ đã ghi lại mọi lời lẽ cứng cõi, kiêu ngạo, mỉa mai nói nghịch cùng các đầy tớ của Ngài như là nghịch cùng chính Ngài.

Sứ điệp của thiên sứ thứ ba sẽ không được hiểu; ánh sáng sẽ làm rạng rỡ trái đất bằng vinh quang của mình sẽ bị những ai từ chối bước theo vinh quang đang tiến triển ấy gọi là ánh sáng giả. Công việc lẽ ra có thể được thực hiện sẽ bị bỏ không làm bởi những kẻ khước từ lẽ thật, vì sự vô tín của họ. Chúng tôi nài xin những người chống đối ánh sáng của lẽ thật: đừng cản lối dân của Đức Chúa Trời. Hãy để ánh sáng từ trời chiếu rọi trên họ bằng những tia sáng rõ ràng và đều đặn. Đức Chúa Trời buộc các bạn, là những người đã nhận được ánh sáng này, phải chịu trách nhiệm về cách các bạn dùng nó. Những ai không chịu lắng nghe sẽ phải chịu trách nhiệm; vì lẽ thật đã được đem đến trong tâm tay họ, nhưng họ khinh thường những cơ hội và đặc ân của mình. Những sứ điệp mang dấu ấn thần linh đã được gửi đến cho dân của Đức Chúa Trời; vinh hiển, oai nghiêm, sự công chính của Đấng Christ, đầy ân lành và lẽ thật, đã được bày tỏ; sự viên mãn của Thần Tính trong Đức Chúa Jêsus Christ đã được trình bày giữa chúng ta với vẻ đẹp và sự duyên dáng, để hấp dẫn tất cả những ai có lòng không bị định kiến khép kín. Chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời đã hành động giữa chúng ta. Chúng ta đã thấy các linh hồn quay khỏi tội lỗi để đến sự công chính. Chúng ta đã thấy đức tin được phục hồi trong lòng những người ăn năn thống hối. Há chúng ta sẽ giống như những người phung được chữa sạch, cứ tiếp tục đi đường mình, và chỉ có một người trở lại để tôn vinh Đức Chúa Trời sao? Trái lại, hãy thuật lại sự nhân lành của Ngài, và ngợi khen Đức Chúa Trời bằng tấm lòng, bằng ngòi bút, và bằng tiếng nói. Review and Herald, ngày 27 tháng 5, năm 1890.